



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2024 ĐẾN NGÀY 30/06/2024**



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 35

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ**Số 15 đường Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (sau đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Hoàng Văn Quang	Chủ tịch	
Ông Trần Việt Hùng	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Ngọc Đào	Thành viên	
Ông Lê Mạnh Hoàn	Thành viên	
Bà Hoàng Thị Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17/05/2024

**Ban Kiểm soát**

Bà Hoàng Thị Phương Dung	Trưởng ban	Đã nộp đơn từ nhiệm ngày 31/10/2024
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên	
Bà Hoàng Thanh Mai	Thành viên	

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Hoàng Văn Minh	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 08/10/2024
Ông Lê Mạnh Hoàn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08/10/2024
Ông Trần Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 08/10/2024
Ông Nguyễn Văn Thức	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 31/5/2024

**Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán**

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm ngày 03/12/2024
Ông Ngô Mạnh Tuấn	Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm ngày 18/10/2024
		Miễn nhiệm ngày 02/12/2024
Bà Nguyễn Thị Thảo	Phó Phòng - phụ trách Phòng Tài chính kế toán	Bỏ nhiệm ngày 15/01/2024
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Trưởng phòng Tài chính kế toán - Phụ trách kế toán	Tuyển dụng ngày 05/9/2024
Bà Trương Thị My	Phó Phòng - phụ trách Phòng Tài chính kế toán	Thôi việc ngày 20/9/2024
		Miễn nhiệm ngày 14/01/2024

**Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Văn Minh	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngoài các sự kiện được trình bày tại Thuyết minh số VII.1, không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 của Công ty.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ.

Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ sách kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty một cách trung thực và hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/10/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Hoàng Văn Minh**

**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 14 tháng 01 năm 2025



**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Về báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá*

*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024*

*(Điều chỉnh thông tin cho báo cáo soát xét số 802/2024/UHY-BCSX)*

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 14 tháng 01 năm 2025, từ trang 06 đến trang 35 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá tại ngày 30/06/2024, cũng như kết quả kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

### Vấn đề khác

Báo cáo soát xét này được phát hành nhằm điều chỉnh thông tin cho Báo cáo soát xét số 802/2024/UHY-BCSX ngày 13/8/2024 về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá trên cơ sở Công ty đã lập lại báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 với thông tin thay đổi người ký báo cáo tài chính giữa niên độ là Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Kế toán trưởng (thay thế cho Bà Nguyễn Thị Thảo - chức danh Phó phòng Phụ trách Phòng Tài chính Kế toán) và Ông Hoàng Văn Minh – Tổng Giám đốc (thay thế cho Ông Lê Mạnh Hoàn – Nguyên Tổng Giám đốc). Ngoài thông tin điều chỉnh trên và các thông tin được trình bày tại Thuyết minh số VII.1, các nội dung khác trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 được đính kèm Báo cáo soát xét số 802/2024/UHY-BCSX ngày 13/8/2024 không có sự thay đổi.



**Hà Minh Long**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNDKHN kiểm toán số 1221-2023-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2025*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Tại ngày 30/06/2024*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2024 VND</b>	<b>01/01/2024 VND</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>526.953.875.786</b>	<b>515.083.442.852</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>140.348.363.177</b>	<b>287.772.136.417</b>
Tiền	111		32.748.363.177	112.084.136.417
Các khoản tương đương tiền	112		107.600.000.000	175.688.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>203.790.000.000</b>	<b>191.686.439.347</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		203.790.000.000	191.686.439.347
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>176.922.062.006</b>	<b>29.790.990.124</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	16.232.364.379	21.812.549.094
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	12.791.529.000	218.541.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	147.898.168.627	7.759.900.030
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>5.298.425.798</b>	<b>5.164.748.138</b>
Hàng tồn kho	141		5.298.425.798	5.164.748.138
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>595.024.805</b>	<b>669.128.826</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		595.024.805	25.587.000
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	643.541.826
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>467.957.392.174</b>	<b>469.512.285.913</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>23.298.135.764</b>	<b>9.351.366.719</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	23.178.724.430	9.351.366.719
- Nguyên giá	222		294.945.100.264	279.442.505.820
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(271.766.375.834)	(270.091.139.101)
Tài sản cố định vô hình	227	V.8	119.411.334	-
- Nguyên giá	228		1.382.960.000	1.243.840.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.263.548.666)	(1.243.840.000)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>700.000</b>	<b>15.444.444.444</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		700.000	15.444.444.444
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>444.506.475.500</b>	<b>444.506.475.500</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		447.305.948.664	447.305.948.664
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		5.766.336.836	5.766.336.836
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.565.810.000)	(8.565.810.000)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>152.080.910</b>	<b>209.999.250</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		152.080.910	209.999.250
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>994.911.267.960</b>	<b>984.595.728.765</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Tại ngày 30/06/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>165.514.416.103</b>	<b>144.453.685.848</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>165.514.416.103</b>	<b>144.453.685.848</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	5.335.349.817	128.035.610.424
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	1.962.950.505	232.348.930
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	3.825.051.829	6.462.437.531
Phải trả người lao động	314		2.191.389.983	6.001.654.569
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	3.851.366.837	150.397.252
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	30.402.479.907	1.295.054.923
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	115.716.224.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.229.603.225	2.276.182.219
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>829.396.851.857</b>	<b>840.142.042.917</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>829.396.851.857</b>	<b>840.142.042.917</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		599.101.330.000	599.101.330.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		599.101.330.000	599.101.330.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.123.771.566	1.123.771.566
Quỹ đầu tư phát triển	418		168.189.656.117	168.189.656.117
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		60.982.094.174	71.727.285.234
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		39.867.987.984	15.720.883.633
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.114.106.190	56.006.401.601
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>994.911.267.960</b>	<b>984.595.728.765</b>

Hải Phòng, ngày 14 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thảo

Nguyễn Thị Thanh Hà

Hoàng Văn Minh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.1</b>	<b>205.142.334.541</b>	<b>54.656.114.130</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>205.142.334.541</b>	<b>54.656.114.130</b>
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	176.082.364.826	28.180.632.402
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>29.059.969.715</b>	<b>26.475.481.728</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.814.591.992	6.152.143.029
Chi phí tài chính	22	VI.4	1.771.359.461	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		183.678.207	-
Chi phí bán hàng	25		70.971.823	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	8.833.998.258	8.108.269.418
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>26.198.232.165</b>	<b>24.519.355.339</b>
Thu nhập khác	31		11.850.720	53.857.385
Chi phí khác	32		8.494.486	-
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>3.356.234</b>	<b>53.857.385</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>26.201.588.399</b>	<b>24.573.212.724</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	5.087.482.209	4.750.676.544
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>21.114.106.190</b>	<b>19.822.536.180</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	352	634

Hải Phòng, ngày 14 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc









Nguyễn Thị Thảo

Nguyễn Thị Thanh Hà

Hoàng Văn Minh



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>26.201.588.399</b>	<b>24.573.212.724</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.694.945.399	1.639.705.763
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(6.393.858)	-
Lãi hoạt động đầu tư	05		(7.757.019.956)	(6.192.143.029)
Chi phí lãi vay	06		183.678.207	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>20.316.798.191</b>	<b>20.020.775.458</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(148.412.019.377)	4.707.207.247
Tăng hàng tồn kho	10		(133.677.660)	(317.561.168)
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(121.724.015.756)	(2.558.521.424)
Tăng chi phí trả trước	12		(511.519.465)	(946.519.039)
Tiền lãi vay đã trả	14		(11.330.626)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.098.966.410)	(3.247.301.807)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.950.809.744)	(1.215.795.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(260.525.540.847)</b>	<b>16.442.284.267</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(197.970.000)	(42.000.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	40.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(203.790.000.000)	(125.056.439.347)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		191.686.439.347	76.472.392.485
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.681.509.277	2.727.822.800
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.620.021.376)</b>	<b>(45.858.224.062)</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	182.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		115.716.224.000	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(828.875)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>115.715.395.125</b>	<b>182.000.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(147.430.167.098)</b>	<b>152.584.060.205</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>287.772.136.417</b>	<b>33.917.322.974</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		6.393.858	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>140.348.363.177</b>	<b>186.501.383.179</b>

Hải Phòng, ngày 14 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thảo

Nguyễn Thị Thanh Hà

Hoàng Văn Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ)

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá theo Quyết định số 1372/QĐ-TTg ngày 19/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá thành Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0203000123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27/11/2001 và các lần thay đổi. Công ty được cấp mã số doanh nghiệp là 0200443827 và hiện hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 16 ngày 23/10/2023. Công ty có trụ sở chính đặt tại: Số 15 đường Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DXP.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 16 của Công ty là 599.101.330.000 đồng.

Tổng số cán bộ nhân viên Công ty tại ngày 30/06/2024 là 207 người (tại ngày 01/01/2024 là 203 người).

**2. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là bốc xếp hàng hóa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết gồm: dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ kê khai hải quan, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa, dịch vụ nâng cẩu hàng hóa, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, môi giới thuê tàu biển; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; vận tải hành khách ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác – dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa; vận tải hành khách đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

Hoạt động chính của Công ty là: dịch vụ bốc xếp hàng hóa; kinh doanh kho bãi; vận tải và dịch vụ vận tải; đại lý vận tải, đại lý hàng hải.

**3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Công ty có chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường không quá 12 tháng.

**4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/06/2024, Công ty có các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc như sau:

STT	Chi nhánh	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá - Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Đa phương thức	Số 15 đường Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá - Xí nghiệp Dịch vụ Xếp dỡ và Giao nhận	Số 15 đường Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá tại Hà Nội	Số 82, tổ 6, đường Nguyễn Văn Linh, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ)

**4. Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp)**

Tại ngày 30/06/2024, Công ty có các công ty liên kết như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tratigroup	Hà Nội	47,06	47,06	Buôn bán nguyên vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; kinh doanh bất động sản
2	Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	Hà Nội	39,00	39,00	Vận tải hàng, kết hợp vận tải hàng công nghệ cao theo tuyến ven biển Việt Nam

**5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023. Các số liệu so sánh này có thể so sánh với số liệu của kỳ kế toán hiện hành.

**II. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

**2. Đơn vị tiền tệ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) do các giao dịch chủ yếu bằng đồng Việt Nam.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này:

**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3. Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20/11/2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối kỳ. Tuy nhiên, tới thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng hợp lý theo chính sách kế toán như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- Hàng tồn kho được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- Đối với các tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b, c, trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm các loại tín phiếu, kỳ phiếu) bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định giá trị theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

*Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá (nếu có).

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác là các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác nhưng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi các khoản dự phòng giảm giá khoản đầu tư.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**5. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp)**

*Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:*

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu công ty niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được nhận đầu tư với mức dự phòng bằng lỗ sau thuế chưa phân phối tại thời điểm trích lập dự phòng nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại bên nhận đầu tư tại thời điểm trích lập dự phòng.

**6. Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**8. Tài sản cố định và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian sử dụng (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 10
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, bốc dỡ hàng hóa	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đây là các phần mềm phục vụ quản lý, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích ước tính là 3 năm.

**9. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

**10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**11. Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

**12. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

*Doanh thu bán hàng hoá*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ có thể xác định được;
- Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**12. Ghi nhận doanh thu (tiếp)**

*Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

*Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

**13. Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**14. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi tùy theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế Việt Nam hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**15. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Theo đó, toàn bộ giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	193.716.097	2.715.029
Tiền gửi ngân hàng	32.554.647.080	112.081.421.388
Các khoản tương đương tiền (i)	107.600.000.000	175.688.000.000
	<b>140.348.363.177</b>	<b>287.772.136.417</b>

(i) Tại ngày 30/06/2024, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng hưởng lãi suất từ 3,2%/năm - 3,7%/năm.

Như trình bày tại Thuyết minh số V.14, Công ty đã thế chấp khoản tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng thương mại.

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>30/06/2024</b>		<b>01/01/2024</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngắn hạn	203.790.000.000	203.790.000.000	191.686.439.347	191.686.439.347
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	203.790.000.000	203.790.000.000	191.686.439.347	191.686.439.347
	<b>203.790.000.000</b>	<b>203.790.000.000</b>	<b>191.686.439.347</b>	<b>191.686.439.347</b>

(i) Tại ngày 30/06/2024, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các ngân hàng thương mại hưởng lãi suất từ 4,6%/năm - 5,2%/năm.

Như trình bày tại Thuyết minh số V.14, Công ty đã thế chấp một số khoản tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ)

2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp)
- b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>447.305.948.664</b>	<b>(8.565.810.000)</b>		<b>447.305.948.664</b>	<b>(8.565.810.000)</b>	
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tratigroup	400.000.000.000	-	(*)	400.000.000.000	-	(*)
- Công ty TNHH Vạn tài Hàng công nghệ cao	47.305.948.664	(8.565.810.000)	(*)	47.305.948.664	(8.565.810.000)	(*)
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>5.766.336.836</b>	<b>-</b>	<b>19.358.559.000</b>	<b>5.766.336.836</b>	<b>-</b>	<b>18.049.536.000</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (i)	1.203.026.136	-	17.060.859.000	1.203.026.136	-	16.119.261.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội (i)	1.563.310.700	-	2.297.700.000	1.563.310.700	-	1.930.275.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	3.000.000.000	-	(*)	3.000.000.000	-	(*)
	<b>453.072.285.500</b>	<b>(8.565.810.000)</b>		<b>453.072.285.500</b>	<b>(8.565.810.000)</b>	

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư dài hạn vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (mã chứng khoán: DVP) và Ngân hàng TMCP Quân Đội (mã chứng khoán: MBB) được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn HOSE tại ngày 28/6/2024 và ngày 29/12/2023.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ)

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH Đại lý và Môi giới Vận tải biển Quốc Tế	10.716.953.186	13.256.468.840
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	993.401.615	669.621.482
Các đối tượng khác	4.522.009.578	7.886.458.772
	<b>16.232.364.379</b>	<b>21.812.549.094</b>

Trong đó, phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số VII.2c.

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Standard Energy Singapore Ltd (SES)	11.816.224.000	-
Các đối tượng khác	975.305.000	218.541.000
	<b>12.791.529.000</b>	<b>218.541.000</b>

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	264.477.801	-	102.589.201	-
Ký cược, ký quỹ (i)	142.749.035.625	-	-	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.809.128.383	-	6.742.472.704	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.008.855.000	-	560.475.000	-
Phải thu khác	66.671.818	-	354.363.125	-
	<b>147.898.168.627</b>	<b>-</b>	<b>7.759.900.030</b>	<b>-</b>

(i) Khoản tiền ký quỹ tại ngân hàng thương mại để mở L/C thanh toán quốc tế.

**6. Hàng tồn kho**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.307.737.790	-	4.203.150.130	-
Công cụ, dụng cụ	990.688.008	-	961.598.008	-
	<b>5.298.425.798</b>	<b>-</b>	<b>5.164.748.138</b>	<b>-</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ)

7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	62.221.033.501	9.940.221.561	205.051.113.281	2.230.137.477	279.442.505.820
Mua trong kỳ	-	-	-	58.150.000	58.150.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	15.444.444.444	-	15.444.444.444
30/06/2024	62.221.033.501	9.940.221.561	220.495.557.725	2.288.287.477	294.945.100.264
Hao mòn lũy kế					
01/01/2024	(61.736.099.479)	(9.843.262.225)	(196.309.893.692)	(2.201.883.705)	(270.091.139.101)
Khấu hao trong kỳ	(165.375.329)	(96.959.336)	(1.401.995.106)	(10.906.962)	(1.675.236.733)
30/06/2024	(61.901.474.808)	(9.940.221.561)	(197.711.888.798)	(2.212.790.667)	(271.766.375.834)
Giá trị còn lại					
01/01/2024	484.934.022	96.959.336	8.741.219.589	28.253.772	9.351.366.719
30/06/2024	319.558.693	-	22.783.668.927	75.496.810	23.178.724.430

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 258.653.426.091 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 256.799.047.732 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ)

**8. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>		
01/01/2024	1.243.840.000	1.243.840.000
Nâng cấp phần mềm	139.120.000	139.120.000
30/06/2024	<u>1.382.960.000</u>	<u>1.382.960.000</u>
<b>Hao mòn lũy kế</b>		
01/01/2024	(1.243.840.000)	(1.243.840.000)
Khấu hao trong kỳ	(19.708.666)	(19.708.666)
30/06/2024	<u>(1.263.548.666)</u>	<u>(1.263.548.666)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>		
01/01/2024	-	-
30/06/2024	<u>119.411.334</u>	<u>119.411.334</u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 626.840.000 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 1.243.840.000 đồng).

**9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>30/06/2024</b>		<b>01/01/2024</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Trường Xuân	1.488.931.692	1.488.931.692	970.027.157	970.027.157
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng	1.073.651.204	1.073.651.204	2.213.582.518	2.213.582.518
Công ty TNHH Đại lý và Môi giới Vận tải biển Quốc Tế	865.569.348	865.569.348	2.040.370.486	2.040.370.486
Glory International FZ-PLC	-	-	107.309.468.026	107.309.468.026
Công ty Cổ phần Thiết bị Bê Tông VIPEC	-	-	13.344.000.000	13.344.000.000
Các đối tượng khác	1.907.197.573	1.907.197.573	2.158.162.237	2.158.162.237
	<u>5.335.349.817</u>	<u>5.335.349.817</u>	<u>128.035.610.424</u>	<u>128.035.610.424</u>

Trong đó, phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số VII.2c.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ)

**10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>30/06/2024</b>		<b>01/01/2024</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng</b>
	<b>VND</b>	<b>trả nợ</b> <b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>trả nợ</b> <b>VND</b>
Công ty TNHH Thương mại Đại Lợi	362.858.400	362.858.400	-	-
Công ty TNHH Thép Phúc Vinh	229.875.840	229.875.840	-	-
Công ty TNHH Đu Đủ Xanh Việt Nam	12.117.198	12.117.198	56.569.134	56.569.134
Các đối tượng khác	1.358.099.067	1.358.099.067	175.779.796	175.779.796
	<b>1.962.950.505</b>	<b>1.962.950.505</b>	<b>232.348.930</b>	<b>232.348.930</b>

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>01/01/2024</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số đã thực</b>	<b>30/06/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>nộp trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	16.332.536.570	15.946.141.328	386.395.242
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.434.438.043	5.087.482.209	8.098.966.410	3.422.953.842
Thuế thu nhập cá nhân	27.999.488	679.022.821	691.319.564	15.702.745
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.203.249.400	2.203.249.400	-
Các loại thuế khác	-	3.638.301	3.638.301	-
	<b>6.462.437.531</b>	<b>24.305.929.301</b>	<b>26.943.315.003</b>	<b>3.825.051.829</b>

**12. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi vay	172.347.581	-
Trích trước chi phí lương bổ sung	1.999.999.998	-
Chi phí hoa hồng đại lý chưa có hóa đơn	1.249.929.308	-
Các khoản trích trước khác	429.089.950	150.397.252
	<b>3.851.366.837</b>	<b>150.397.252</b>

Trong đó, chi phí phải trả ngắn hạn là các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số VII.2c.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**13. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	228.779.553	366.764.213
Bảo hiểm y tế	-	261.180
Cổ tức, lợi nhuận phải trả (i)	30.031.244.925	77.007.300
Các khoản phải trả, phải nộp khác	142.455.429	851.022.230
- Thuế thu nhập cá nhân	76.422.430	269.220.044
- Thuế lao Hội đồng Quản trị	-	500.000.000
- Các khoản khác	66.032.999	81.802.186
	<b>30.402.479.907</b>	<b>1.295.054.923</b>

- (i) Trong đó bao gồm khoản cổ tức phải trả theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/5/2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 23/2024/DXP/NQ-HĐQT ngày 13/6/2024 số tiền 29.955.066.500 đồng (xem chi tiết tại Thuyết minh số V.15).

**Trong đó, phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số VII.2c.**



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ)

14. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	01/01/2024		Trong kỳ		30/06/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Hải Phòng (i)	-	-	90.000.000.000	-	90.000.000.000	90.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hải Phòng (ii)	-	-	13.900.000.000	-	13.900.000.000	13.900.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (iii)	-	-	11.816.224.000	-	11.816.224.000	11.816.224.000
	-	-	115.716.224.000	-	115.716.224.000	115.716.224.000

- (i) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng bảo đảm tiền vay kiêm khế ước nhận nợ số ST24026500/2024/CNC/HĐTD ngày 21/6/2024 với hạn mức cho vay là 90 tỷ đồng, số tiền vay đến ngày 30/06/2024 là 90.000.000.000 đồng với lãi suất cho vay 5,7%/năm, cố định trong suốt thời gian vay vốn, thời hạn cho vay kể từ ngày giải ngân đến ngày 29/8/2024. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản bảo đảm là các hợp đồng tiền gửi được ký kết giữa Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá và Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Hải Phòng; toàn bộ hoa lợi, lợi tức, lợi ích vật chất và các quyền phát sinh từ tài sản cầm cố cũng thuộc tài sản cầm cố.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng cho vay số 210624-4414630-01-SME ngày 21/6/2024 với hạn mức cho vay là 13,9 tỷ đồng, số tiền vay đến ngày 30/06/2024 là 13.900.000.000 đồng với lãi suất cho vay 5,8%/năm, cố định trong suốt thời gian vay vốn, thời hạn cho vay 38 ngày. Mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh. Biện pháp bảo đảm là cầm cố bằng thỏa thuận tiền gửi có kỳ hạn số 290124-ĐXP-VPB-3 (313125537) ngày 29/01/2024 theo Hợp đồng cầm cố số 4414630-01/VPBANK ký ngày 21/6/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).
- (iii) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 26/2024-HĐCVHM/NHCT160-CDX ngày 31/5/2024 với hạn mức cho vay là 65 tỷ đồng, số tiền vay đến ngày 30/06/2024 là 11.816.224.000 đồng với lãi suất cho vay 5%/năm, thời hạn áp dụng đến 18/12/2024. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản bảo đảm là số dư khoản tiền gửi theo Hợp đồng tiền gửi số 160/2024/63151 ngày 17/6/2024 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng; các quyền, lợi tức và các khoản thanh toán phát sinh từ hợp đồng tiền gửi trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ)

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
01/01/2023	272.820.270.000	1.248.771.566	222.647.646.117	66.476.120.633	563.192.808.316
- Tăng vốn trong kỳ	182.000.000.000	-	-	-	182.000.000.000
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	21.823.070.000	-	-	(21.823.070.000)	-
- Lãi trong kỳ trước	-	-	-	19.822.536.180	19.822.536.180
- Trích lập các quỹ	-	-	-	(1.700.000.000)	(1.700.000.000)
30/06/2023	476.643.340.000	1.248.771.566	222.647.646.117	62.775.586.813	763.315.344.496
01/01/2024	599.101.330.000	1.123.771.566	168.189.656.117	71.727.285.234	840.142.042.917
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	21.114.106.190	21.114.106.190
- Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	(1.904.230.750)	(1.904.230.750)
- Trả cổ tức bằng tiền (ii)	-	-	-	(29.955.066.500)	(29.955.066.500)
30/06/2024	599.101.330.000	1.123.771.566	168.189.656.117	60.982.094.174	829.396.851.857

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/5/2024, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 để trích lập Quỹ khen thưởng, Quỹ khen thưởng Ban điều hành, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Quỹ phúc lợi với số tiền lần lượt là 700.000.000 đồng, 504.230.750 đồng và 700.000.000 đồng.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/5/2024, Công ty đã phê duyệt chia cổ tức năm 2023 bằng tiền cho cổ đông hiện hữu với tổng số tiền là 29.955.066.500 đồng. Công ty đã thông qua chia cổ tức với số tiền 29.955.066.500 đồng trong năm 2023 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 23/2024/DXP/NQ-HĐQT ngày 13/6/2024, với ngày đăng ký cuối cùng là ngày 27/6/2024.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ)

**15. Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>30/06/2024</b>		<b>01/01/2024</b>	
	<b>Vốn đã góp</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Vốn đã góp</b>	<b>Tỷ lệ</b>
	<b>VND</b>	<b>%</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>
Ông Hoàng Văn Quang	78.051.600.000	13,03	78.051.600.000	13,03
Ông Nguyễn Văn Thúc	55.000.000.000	9,18	55.000.000.000	9,18
Công ty Cổ phần Tratimex P&L	600.000	0,0001	32.487.600.000	5,42
Các cổ đông khác	466.049.130.000	77,79	433.562.130.000	72,37
	<b>599.101.330.000</b>	<b>100,00</b>	<b>599.101.330.000</b>	<b>100,00</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn góp của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	599.101.330.000	272.820.270.000
- Vốn tăng trong kỳ	-	203.823.070.000
- Vốn giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	599.101.330.000	476.643.340.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	29.955.066.500	-

**d) Cổ phiếu**

	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	59.910.133	59.910.133
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	59.910.133	59.910.133
- Cổ phiếu phổ thông	59.910.133	59.910.133
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	59.910.133	59.910.133
- Cổ phiếu phổ thông	59.910.133	59.910.133
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**e) Các quỹ của doanh nghiệp**

	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quỹ đầu tư phát triển	168.189.656.117	168.189.656.117

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ**

**Ngoại tệ các loại**

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Đô la Mỹ (USD)	5.488,29	5.488,29

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	153.123.850.727	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	52.018.483.814	54.656.114.130
	<u><b>205.142.334.541</b></u>	<u><b>54.656.114.130</b></u>

Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số VII.2b.

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	147.868.144.659	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	28.214.220.167	28.180.632.402
	<u><b>176.082.364.826</b></u>	<u><b>28.180.632.402</b></u>

Trong đó, mua dịch vụ từ bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số VII.2b.

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	6.696.414.956	5.031.193.029
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.060.605.000	1.120.950.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	51.178.178	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.393.858	-
	<u><b>7.814.591.992</b></u>	<u><b>6.152.143.029</b></u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ)

**4. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi vay	183.678.207	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.550.064.876	-
Chi phí tài chính khác	37.616.378	-
	<b>1.771.359.461</b>	<b>-</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	4.060.536.498	3.301.513.973
Chi phí đồ dùng văn phòng	305.445.180	345.779.174
Chi phí khấu hao tài sản cố định	411.735.627	407.324.994
Thuế, phí và lệ phí	2.206.249.400	2.208.249.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	759.172.496	1.173.011.164
Chi phí bằng tiền khác	1.090.859.057	672.390.713
	<b>8.833.998.258</b>	<b>8.108.269.418</b>

**6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.874.165.560	3.885.508.805
Chi phí nhân công	18.106.154.520	13.687.042.812
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.694.945.399	1.639.705.763
Chi phí mua ngoài	13.473.923.150	13.058.545.827
Chi phí khác bằng tiền	1.410.324.558	4.018.098.613
	<b>37.559.513.187</b>	<b>36.288.901.820</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ)

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.201.588.399	24.573.212.724
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	301.827.645	301.120.000
- Chi phí không được trừ	301.827.645	301.120.000
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	(1.066.005.000)	(1.120.950.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.060.605.000)	(1.120.950.000)
- Tiền thưởng từ cơ quan Nhà nước	(5.400.000)	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	25.437.411.044	23.753.382.724
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5.087.482.209</b>	<b>4.750.676.544</b>

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>
		<b>(trình bày lại) (ii)</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	21.114.106.190	19.822.536.180
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (i)	-	(952.115.375)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	21.114.106.190	18.870.420.805
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	59.910.133	29.745.252
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>352</b>	<b>634</b>

(i) Tại ngày 30/06/2024, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận năm 2024 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao của của Ban điều hành, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu trong kỳ sẽ giảm đi tương ứng.

(ii) Số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc trích vào Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023 theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, trong đó, số liệu trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát tương ứng với kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được ước tính tương đương với 50% số liệu trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát cho năm 2023 (xem chi tiết tại Thuyết minh số V.15a), cụ thể như sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ)

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp)**

	Số đã báo cáo	Điều chỉnh	Số trình bày lại
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	19.822.536.180	-	19.822.536.180
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(952.115.375)	(952.115.375)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	19.822.536.180	(952.115.375)	18.870.420.805
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	29.745.252	-	29.745.252
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>666</b>	<b>(32)</b>	<b>634</b>

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Công ty thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần thứ 17 vào ngày 14/10/2024 do thay đổi người đại diện pháp luật từ Ông Lê Mạnh Hoàn sang Ông Hoàng Văn Minh.

Ngày 20/6/2024, Hội đồng quản trị Công ty thông qua triển khai phương án phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/5/2024, cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phiếu phát hành dự kiến: 5.991.013 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành dự kiến (theo mệnh giá): 59.910.130.000 đồng
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Nguồn vốn sử dụng để phát hành: Nguồn từ quỹ đầu tư phát triển tại ngày 31/12/2023 theo báo cáo tài chính năm 2023.

Ngoài các sự kiện được trình bày như trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính này.

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

**a) Thông tin về các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tratigroup	Công ty liên kết và cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	Công ty liên kết
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao tại Hải Phòng	Chi nhánh của công ty liên kết
Công ty Cổ phần VN ASPHALT	Cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Tratimex P&L	Cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật tư Giao thông	Cùng Chủ tịch HĐQT

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quan hệ mật thiết với những thành viên này là bên liên quan của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ)

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp)**

**b) Giao dịch với các bên liên quan**

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

Họ và tên	Chức danh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
		VND	VND
Ông Lê Mạnh Hoàn	Tổng Giám đốc	534.550.000	528.725.000
Ông Trần Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	268.452.920	219.030.600
Ông Nguyễn Văn Thúc (i)	Phó Tổng Giám đốc	45.775.000	-
Bà Nguyễn Thị Thảo (i)	Phó phòng Phụ trách Phòng Tài chính - Kế toán	161.875.754	-
		<b>1.010.653.674</b>	<b>747.755.600</b>

(i) Tiền lương, tiền thưởng được tổng hợp từ ngày bổ nhiệm.

Trong kỳ, Công ty đã phát sinh các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
<b>Cung cấp dịch vụ</b>	<b>3.645.195.086</b>	<b>1.221.596.398</b>
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật tư Giao thông	2.476.339.930	160.407.430
- Công ty Cổ phần VN ASPHALT	1.161.903.156	1.061.188.968
- Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao tại Hải Phòng	6.004.000	-
- Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	948.000	-
<b>Mua dịch vụ</b>	<b>1.024.696.073</b>	<b>2.945.632.003</b>
- Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao tại Hải Phòng	655.729.171	2.007.061.003
- Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	368.966.902	-
- Công ty Cổ phần VN ASPHALT	-	938.571.000
<b>Phân phối lợi nhuận</b>	<b>6.652.610.000</b>	<b>10.272.000.000</b>
- Ông Hoàng Văn Quang	3.902.580.000	5.256.000.000
- Ông Nguyễn Văn Thúc	2.750.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tratimex P&L	30.000	5.016.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ)

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp)**

**c) Số dư với các bên liên quan**

Tại ngày 30/06/2024, Công ty có số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>391.706.848</b>	<b>2.290.215.600</b>
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật tư Giao thông	248.166.040	1.384.624.800
- Công ty Cổ phần VN ASPHALT	143.540.808	905.590.800
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>1.471.111.618</b>	<b>2.213.582.518</b>
- Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao tại Hải Phòng	1.073.651.204	2.213.582.518
- Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	397.460.414	-
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>250.000.002</b>	-
- Các thành viên Hội đồng Quản trị	250.000.002	-
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	-	<b>500.000.000</b>
- Các thành viên Hội đồng Quản trị	-	500.000.000

**3. Báo cáo bộ phận**

**a) Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam, hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty diễn ra tại các khu vực địa lý không có sự khác biệt lớn về điều kiện kinh tế xã hội. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**b) Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, hoạt động chủ yếu của Công ty là bốc xếp hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác liên quan đến vận tải biển, hoạt động bán hàng không diễn ra thường xuyên và liên tục. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn đã được trình bày chi tiết theo doanh thu và giá vốn hàng bán tại Thuyết minh số VI.1 và Thuyết minh số VI.2.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 đã được soát xét.

*Hải Phòng, ngày 14 tháng 01 năm 2025*

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Thị Thảo**

**Nguyễn Thị Thanh Hà**

**Hoàng Văn Minh**

